

CHIA TÀI SẢN CỦA VỢ CHỒNG KHI LY HÔN

THỰC TIỄN ĐÒI HỎI PHẢI TIẾP TỤC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG PHÁP LUẬT

Hải Dương. Sinh ra và lớn lên giữa vùng quê yên bình, trù phú, hầu như quanh năm suốt tháng cuộc sống của Bá chỉ quanh quẩn sau lũy tre làng với công việc ruộng đồng. Năm 20 tuổi, y kết duyên cùng cô thôn nữ Trần T.P. Cuộc sống ấm êm, hạnh phúc sẽ còn mãi trong ngôi nhà nhỏ của đôi uyên ương nếu như Bá không có cái tật thích chửi bới, “thượng cẳng chân, hạ cẳng tay” đối với vợ với con. Sức chịu đựng của con người có hạn. Một ngày, không chịu được thói cục cằn của chồng, P dắt con về nhà cha mẹ ruột. Còn lại một mình, thiếu “hơi đàn bà”, “nhu cầu” không được đáp ứng, Bá nảy sinh ý đồ tội lỗi. Hai giờ sáng ngày 5/8/2003 bị nhục dục thiêu đốt, y vùng dậy mang dao, đạp xe đến quốc lộ 5, phục hiếp phụ nữ. Sau vụ đầu trót lọt y liền tiếp thực hiện 5 vụ hiếp khác chỉ trong vòng 11 ngày sau. Đêm về sáng ngày 18/8/2003, “con bệnh” lại nổi lên không cho y ngủ tiếp. Bá trở dậy, giả làm người đi bắt cá, dắt xe mang giỏ tre nhưng không đựng cá mà đựng... dao. Hấn lại đến nằm phục sẵn ở ven đường quốc lộ 5. Vì những phụ nữ đi chợ sớm đã được thông báo về thủ đoạn của kẻ hiếp dâm hàng loạt nên đã cảnh giác đi theo nhóm. Không “làm ăn” được gì, Bá đành hậm hực quay về.

Không từ bỏ con đường tội lỗi, 3 giờ sáng ngày 4/9/2003, Bá mặc nguyên quần áo ngủ đến mai phục “con mồi” ở ven đường gần cầu Phú Lương. Thấy hai người phụ nữ đạp xe theo hàng dọc, y khắp khởi mừng thầm, sắp được thỏa mãn dục vọng. Nhưng lần này, chưa “gặt hái” xong, y đã phải tra tay vào công của các chiến sỹ công an. Tại cơ quan điều tra, Bá thú nhận mình là thủ phạm của 7 vụ hiếp dâm trên trong hơn 1 tháng qua. Tại phiên tòa xét xử ở Tòa án Nhân dân Hải Dương, Chu Văn Bá bị tuyên phạt 9 năm tù giam. Kể gây ra các vụ hiếp dâm hàng loạt đã phải trả giá ■

N.H

Thực tế những năm qua cho thấy, Tòa án khi giải quyết các tranh chấp về tài sản của vợ chồng khi ly hôn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc. Đặc biệt là việc chia nhà ở và quyền sử dụng đất của vợ chồng. Bên cạnh Luật đất đai, Bộ luật dân sự của nhà nước ta từ Điều 690 đến Điều 774 đã quy định về chuyển quyền sử dụng đất. Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và các văn bản hướng dẫn thi hành tuy đã khắc phục được những vướng mắc, khó khăn trong các văn bản pháp luật trước đây. Tuy nhiên, vẫn có những trường hợp Tòa án còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc do các quy định của pháp luật về vấn đề này chưa thực sự đầy đủ và cụ thể.

Từ thực tiễn xét xử, xin nêu ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật về vấn đề chia tài sản của vợ chồng khi ly hôn:

1. VỀ CHIA TÀI SẢN TRONG TRƯỜNG HỢP VỢ CHỒNG SỐNG CHUNG VỚI GIA ĐÌNH MÀ LY HÔN.

Theo quy định tại Điều 96 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, thì trong trường hợp không xác định được khối tài sản chung của vợ chồng do vợ chồng sống chung với gia đình (bên vợ hoặc bên chồng) thì khi vợ chồng ly hôn, người vợ hoặc người chồng được chia một phần trong khối tài sản chung của gia đình căn cứ vào

công sức đóng góp của vợ chồng vào việc tạo lập, duy trì, phát triển khối tài sản chung của gia đình cũng như đời sống chung của gia đình. Việc chia một phần trong khối tài sản chung do vợ chồng thỏa thuận với gia đình, nếu không thỏa thuận thì yêu cầu Tòa án giải quyết. Việc áp dụng quy định này trong trường hợp chia tài sản khi vợ chồng ly hôn gặp nhiều khó khăn. Nhiều khi chính vợ chồng cũng có sự nhầm tưởng trong việc xác định tài sản đó là tài sản của gia đình hay tài sản chung của vợ chồng dẫn đến tranh chấp khi họ yêu cầu ly hôn. Theo chúng tôi, để đảm bảo chia tài sản được chính xác, công bằng, bảo vệ lợi ích chính đáng của người được chia, Tòa án cần điều tra, xem xét tài sản của gia đình bên chồng (bên vợ) có tăng thêm những gì kể từ khi người vợ về làm dâu gia đình nhà chồng hoặc người chồng ở rể gia đình nhà vợ, mà người vợ (chồng) có công đóng góp. Nếu tài sản của gia đình không tăng thì căn cứ vào khối tài sản được duy trì, nhất là trường hợp vợ (chồng) là lao động chính có thu nhập khá, tuy gia đình chồng (gia đình vợ) có nhiều khó khăn nhưng sinh hoạt của gia đình vẫn đảm bảo mà không phải bán đi các tài sản khác. Trong việc tính công sức đóng góp, Luật coi lao động trong

Vất vả - Ảnh Tam Thái



gia đình được coi như lao động có thu nhập. Cần lưu ý không nên căn cứ vào thời gian người vợ về làm dâu gia đình nhà chồng hoặc người chồng về làm rể gia đình nhà vợ lâu hay mới để tính công sức chia tài sản, vì như vậy có nghĩa như là trả công đối với lao động làm thuê. Mặt khác việc tính công sức đóng góp trong quá trình tạo dựng, duy trì và phát triển nhà ở hoặc vào đời sống chung của gia đình là một vấn đề phức tạp, không thể định ra các tiêu chuẩn nhất định để tính công sức đóng góp mà phải dựa vào từng trường hợp cụ thể, vào hoàn cảnh cụ thể của đương sự. Ví dụ: Trường hợp người vợ (chồng) mới về làm dâu (ở rể) nhưng đã có số vốn lớn là lao động chính, kinh doanh buôn bán có thu nhập cao... và lại có trường hợp người vợ ở gia đình chồng (gia đình vợ) đã lâu nhưng đau yếu luôn, lao động kém, thu nhập ít...

2. VỀ CHIA QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT:

Thực tế chia tài sản chung của vợ chồng là quyền sử dụng đất khi ly hôn thường gặp nhiều khó khăn. Đặc biệt, đối với trường hợp một bên vợ hoặc chồng không có điều kiện trực tiếp sử dụng đất thì việc giải quyết của Tòa án để đảm bảo quyền của các bên là rất khó khăn. Theo quy định của pháp luật thì nếu chỉ có một bên có nhu cầu và điều kiện trực tiếp sử dụng đất thì giao cho bên đó tiếp tục sử dụng và bên đó có nghĩa vụ thanh toán phần giá trị quyền sử dụng đất cho bên kia. Nhưng có trường hợp, bên có điều kiện trực tiếp sử dụng đất, muốn được tiếp tục sử dụng đất nhưng lại không muốn thanh toán tiền giá trị sử dụng đất cho bên kia hoặc có thể họ không có khả năng để thanh toán. Vì vậy, nhiều trường hợp các bên đã thỏa thuận hoặc bản án của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, nhưng bên phải thanh toán quyền sử dụng đất lại không thanh toán cho bên kia, ảnh hưởng rất lớn đến quyền lợi của họ. Trước thực tế đó, một số Tòa án đã rút kinh nghiệm, nếu xét thấy bên có điều kiện trực tiếp sử dụng không có khả năng thanh toán hoặc

không có thái độ thiện chí, thì không giao quyền sử dụng đất cho họ mà vẫn chia cho bên kia dù bên kia không có điều kiện sử dụng đất, nhằm tạo điều kiện cho bên kia chuyển nhượng quyền sử dụng đất đó cho người khác. Tuy vậy, giải pháp đó của Tòa án cũng không mấy hữu hiệu, vì bên kia đe dọa, cản trở những người tham gia hoạt động chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Có trường hợp sau khi ly hôn người được chia quyền sử dụng đất không có điều kiện trực tiếp sử dụng vì nơi ở của họ quá xa, nhưng "bán" thì không có người "mua" vì họ sợ, nên đất không thể khai thác được giá trị sử dụng, tất nhiên quyền của bên được chia quyền sử dụng đất cũng bị xâm phạm. Vì vậy, cần có hướng dẫn cụ thể hơn về vấn đề này để giúp các Tòa án giải quyết trường hợp cụ thể hợp lý, hợp tình, bảo đảm quyền lợi của các bên.

Do đó, khi chia quyền sử dụng đất, Tòa án cần căn cứ vào tình hình thực tế của vợ chồng.

3. VỀ CHIA NHÀ Ở:

Theo quy định tại Điều 98 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 thì trong trường hợp nhà ở thuộc sở hữu chung của vợ chồng không thể chia được thì bên được tiếp tục sử dụng nhà ở phải thanh toán cho bên kia phần giá trị mà họ được hưởng. Cũng như việc áp dụng quy định về chia quyền sử dụng đất như đã nói ở trên, thực tế việc áp dụng quy định này khi vợ chồng ly hôn thường gặp nhiều khó khăn nhất định. Đặc biệt đối với các trường hợp khi cả vợ chồng đều không có nơi ở khác, đều có nhu cầu muốn được trực tiếp sử dụng nhà ở này và đều có khó khăn trong việc tạo lập chỗ ở khác thì việc giải quyết của Tòa án trong trường hợp này để đảm bảo quyền lợi của các bên là rất khó khăn. Cũng có trường hợp chỉ có một bên vợ hoặc chồng có điều kiện trực tiếp sử dụng nhà ở, có khó khăn trong việc tạo lập chỗ ở khác, muốn được trực tiếp sử dụng nhà ở nhưng lại không muốn thanh toán tiền giá trị cho bên kia hoặc có thể họ

không có khả năng để thanh toán. Vì vậy, nhiều trường hợp các bên đã thỏa thuận hoặc bản án đã có hiệu lực pháp luật, nhưng bên phải thanh toán lại không thanh toán cho bên kia phần giá trị mà họ được hưởng ảnh hưởng rất lớn đến quyền lợi của họ. Trước thực tế đó, một số tòa án đã rút kinh nghiệm, nếu xét thấy bên có điều kiện trực tiếp sử dụng nhà không có khả năng thanh toán hoặc có thái độ không thiện chí, thì không giao quyền sử dụng nhà cho họ mà vẫn chia cho bên kia dù bên kia không có điều kiện trực tiếp sử dụng, nhằm tạo điều kiện cho bên kia chuyển nhượng quyền sử dụng nhà cho người khác. Tuy vậy, giải pháp đó của Tòa án cũng vẫn không mấy hữu hiệu, vì bên kia đe dọa, cản trở những người tham gia hoạt động chuyển nhượng quyền sử dụng nhà. Có trường hợp, sau khi ly hôn người được chia quyền sử dụng nhà không có điều kiện trực tiếp sử dụng vì họ ở quá xa, nhưng "bán" thì không có người "mua" vì họ sợ, nên đất đã không thể khai thác được giá trị sử dụng, tất nhiên quyền của bên chia quyền sử dụng nhà cũng bị xâm phạm. Vì vậy, cần có hướng dẫn cụ thể hơn về vấn đề này để giúp các Tòa án giải quyết trường hợp cụ thể hợp lý, hợp tình, bảo đảm quyền lợi của các bên.

Những nguyên tắc chia nhà ở thuộc sở hữu chung của vợ chồng, khi vợ chồng ly hôn quy định tại Điều 95 và Điều 98 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 áp dụng cho trường hợp xác định được nhà ở là sở hữu chung của vợ chồng. Pháp luật chưa có quy định cụ thể về việc giải quyết vấn đề nhà ở của vợ chồng trong trường hợp vợ chồng sống chung với gia đình mà ly hôn, mà chỉ quy định chung về việc chia tài sản trong trường hợp vợ chồng sống chung với gia đình mà ly hôn tại Điều 96 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Nên khi giải quyết vấn đề nhà ở trong trường hợp này phải áp dụng quy định tại Điều 96. Việc áp dụng quy định này để chia nhà ở của vợ chồng khi ly hôn càng khó khăn, phức tạp hơn rất nhiều so với các tài sản khác vì nhà ở là

một trong những tài sản có giá trị lớn và quan trọng nhất trong khối tài sản chung của gia đình nên hay dẫn đến tranh chấp và việc xác định công sức đóng góp của vợ chồng trong việc tạo lập, sửa chữa, cải tạo, phát triển nhà ở chung của gia đình là rất khó khăn. Về vấn đề này, pháp luật nên quy định cụ thể về việc giải quyết vấn đề nhà ở của vợ chồng trong trường hợp vợ chồng sống chung với gia đình mà ly hôn.

4. VỀ GIẢI QUYẾT QUYỀN LỢI CỦA VỢ, CHỒNG TRONG TRƯỜNG HỢP NHÀ Ở THUỘC SỞ HỮU RIÊNG CỦA MỘT BÊN.

Khi vợ chồng ly hôn, nếu nhà ở thuộc sở hữu riêng của một bên đã đưa vào sử dụng chung thì về nguyên tắc, nhà ở đó vẫn thuộc sở hữu riêng của chủ sở hữu nhà nên không chia. Tuy nhiên, nếu bên kia đã có công sức bảo dưỡng, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa nhà thì sẽ được chủ sở hữu nhà thanh toán một phần giá trị nhà tương xứng với công sức đóng góp của họ (Điều 99 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000). Quy định trên đây nhằm bảo vệ cho bên không phải là chủ sở hữu nhà khi ly hôn và hoàn toàn phù hợp với thực tế khi mà vợ chồng chung sống trong căn nhà thuộc sở hữu riêng của một bên. Tuy vậy để xác định công sức của bên không phải là chủ sở hữu nhà trong việc nâng cấp, bảo dưỡng, cải tạo, sửa chữa nhà là hết sức khó khăn và phức tạp, đồng thời việc xác định phần giá trị nhà mà họ được thanh toán cũng là công việc khó khăn. Nên chăng cần có hướng dẫn cụ thể hơn về vấn đề này để giúp các Tòa án giải quyết trường hợp cụ thể được "thấu tình đạt lý" hơn.

Hiện nay nhu cầu về tài sản, đặc biệt nhu cầu về nhà ở và quyền sử dụng đất là rất lớn, nhất là ở các thành phố, thị xã... Nhưng khả năng của ta lại rất hạn chế. Do đó, giá nhà đất ở các địa phương đang tăng lên rất nhanh, nhà đất trở thành một trong những tài sản đắt giá nhất trong khối tài sản chung của vợ chồng. Vì vậy vấn đề tranh

chấp tài sản, tranh chấp quyền sử dụng đất, nhà ở sau khi ly hôn càng trở nên phức tạp, việc chia tài sản khi ly hôn do đó cũng trở nên càng khó khăn. Do đó để đảm bảo giải quyết hợp lý việc chia tài sản, chia quyền sử dụng đất, chia nhà ở đảm bảo chỗ ở cho các đương sự sau khi ly hôn, đảm bảo tính khả thi của các bản án, quyết định của Tòa án về vấn đề này, đòi hỏi không những phải có quan điểm đúng đắn, mà phải dựa vào thực tế, dựa vào sự giúp đỡ của cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội, đoàn thể nhân dân... Đặc biệt phải quan tâm chú ý tới công tác hòa giải để giáo dục cho các đương sự nhận rõ trách nhiệm của mình, thấy hết tình hình khó khăn phức tạp để các bên đương sự có thái độ đúng đắn, cùng nhau bàn bạc giải quyết một cách thỏa đáng phù hợp với pháp luật. Người cán bộ Tòa án không những phải

có trình độ pháp lý, tinh thần trách nhiệm mà cần có quan điểm quần chúng, có đầy đủ nhiệt tình, đi sâu bàn bạc giải quyết vừa đảm bảo đường lối, chính sách pháp luật, vừa sát hợp với tình hình thực tế.

Trên đây là một số kiến nghị với mong muốn góp phần hoàn thiện pháp luật về chia tài sản của vợ chồng khi ly hôn. Hy vọng trong tương lai gần sẽ có những quy định, những hướng dẫn đầy đủ và cụ thể hơn về vấn đề này để pháp luật ngày càng hoàn thiện, giúp các Tòa án tháo gỡ các khó khăn vướng mắc khi giải quyết việc chia tài sản của vợ chồng khi ly hôn, bảo đảm các phán quyết của Tòa án về vấn đề này hợp tình, hợp lý, có khả năng thực thi cao, bảo vệ quyền lợi chính đáng của các đương sự, nhất là của phụ nữ và con cái ■

Thanh Huyền

QUY ĐỊNH VỀ DI SẢN

CỦA NGƯỜI ĐỂ LẠI THỪA KẾ - ĐÔI ĐIỀU CẦN BÀN

● HOÀNG ANH TUYẾN

Điều 637 Bộ luật dân sự quy định: "1-Di sản bao gồm tài sản riêng của người chết, phần tài sản của người chết trong tài sản chung với người khác.

2- Quyền sử dụng đất cũng thuộc di sản thừa kế và được để lại thừa kế theo quy định tại Phần thứ năm của Bộ luật này".

Theo nội dung của Điều luật thì mọi loại tài sản thuộc sở hữu của người chết để lại được coi là di sản của người để lại thừa kế. Nhưng theo quy định tại Điều 172 Bộ luật dân sự thì "Tài sản bao gồm vật có thực, tiền, giấy tờ trị giá được bằng tiền và các quyền tài sản". Đối với quyền tài sản, Điều 188 Bộ luật dân sự quy định: "Quyền tài sản là quyền giá trị được bằng tiền và có thể chuyển giao trong giao lưu dân sự, kể cả quyền sở hữu trí tuệ được quy định tại Phần thứ sáu của Bộ luật này". Căn cứ vào các Điều luật trên, chúng tôi thấy quy định về di sản của người để lại thừa kế còn có những nội dung chưa

đúng và chưa chính xác ở chỗ:

Thứ nhất: Quyền tài sản được coi là tài sản vô hình nên chủ sở hữu thực hiện quyền sở hữu của mình thông qua giấy tờ minh chứng cho quyền tài sản chẳng hạn như: giấy nhận nợ, sổ tiết kiệm, công trái... Điều luật quy định rất rõ là quyền tài sản có thể chuyển giao trong giao dịch dân sự, nếu quyền tài sản không thể chuyển giao được thì đương nhiên không thể dịch chuyển được từ người chết cho người còn sống nên không thể coi là di sản của người để lại thừa kế. Nội dung Điều 188 cũng nêu rõ quyền tài sản bao gồm cả quyền sở hữu trí tuệ nên cũng được coi là di sản của người chết và được để lại thừa kế. Thế nhưng nội hàm của quyền sở hữu trí tuệ bao gồm cả quyền tài sản và quyền nhân thân, hai loại quyền này hoàn toàn tách biệt nhau, chỉ có quyền tài sản trong quyền sở hữu trí tuệ mới có giá trị được bằng tiền, có thể chuyển giao trong giao lưu dân sự